

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KON TUM**
Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐG, ngày 28 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y H; Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Thôn ĐD, xã Ngọc L, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn 14B, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y H và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Y Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 15/01/2016 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Y H chu cấp tiền phí tổn nuôi con chung.

Chị Y H được quyền thăm nuôi con chung, không ai được quyền cản quyền thăm nuôi con chung của chị Y H. Việc thăm nuôi con chung của chị H không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của anh H và cháu C. Vì quyền lợi của cháu Y Nguyễn Quỳnh C các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản:

+ Các đương sự không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung; không có tiền, tài sản nợ chung; không có tiền, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí (Thuận tình ly hôn):

Căn cứ Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Y H và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị Y H nhận nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn H Chị Y H được chuyển số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004611 ngày 22 tháng 10 năm 2019 thành tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân

